

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 11/2024/HS-ST

Ngày: 08 – 3 – 2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Hồng Điệp.

2. Ông Trương Thành Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1994, tại Long An; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1972 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1973; vợ: Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 2001; có 01 người con sinh năm: 2019; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 102/2021/HSST ngày 18/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 29/8/2022, chưa xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo

Quyết định số: 19/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 05/12/2018; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Công T1, sinh năm: 2004, tại Long An; nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Trần Thị Ngọc T2, đã chết; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Hoàng G, sinh năm: 2000, tại Long An; nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T3, sinh năm: 1973, đã chết và bà Đặng Minh C, sinh năm: 1976; vợ: Phan Thị Hồng T4, sinh năm: 2002; có 01 người con, sinh năm: 2023; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 18/3/2023, Công an xã P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số: 04/QĐ-XPHC, đã đóng phạt ngày 26/4/2023; nhân thân: Ngày 20/9/2023, Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi bán tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có theo Quyết định số: 166/QĐ-XPHC, đã đóng phạt ngày 27/9/2023; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Trần Hoàng V, sinh năm: 1978 (có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Nguyễn Hồng P, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Trần Ngọc L1, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/9/2023, sau khi sử dụng ma túy cùng với Phạm Hoàng G và Trần Ngọc L1 tại nhà L1 ở ấp D, xã T, huyện C, Nguyễn Tấn T rủ Trần Công T1 đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, T1 mượn xe mô tô Wave alpha màu trắng biển số 59L1-376.05 của G nói là đi công việc rồi T1 chở T đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn xã L và T, huyện C tìm tài sản sơ hở để trộm cắp nhưng không phát hiện, T1 chở T đi về. Trên đường

về, đến khu vực thuộc Ấp B, xã T thì T và T1 phát hiện xe Dream biển số 62L1-445.00 của anh Trần Hoàng V đang đậu trên đường, chìa khóa gắn sẵn trên xe không người trông giữ nên T1 dừng xe lại, T bước xuống trộm xe mô tô trên rồi điều khiển xe về nhà của L1, T1 chạy theo sau. Tại nhà L1, T tháo biển số 62L1-445.00, hai gương chiếu hậu và rô phía trước đầu xe ra. Khi T1 về đến, G hỏi “xe của ai vậy”, T1 nói cho G biết xe do trộm cắp, T và T1 đưa xe Dream cho G đem đi cầm lấy tiền tiêu xài thì G đồng ý. G điều khiển xe mô tô 62L1-445.00 về nhà G ở Ấp B, xã P, huyện C cất giấu. Sau đó, T1 điều khiển xe Wave alpha biển số 59L1-376.05 của G về nhà G, tại đây G và T1 tháo biển số xe 59L1-376.05 đổi vào biển số xe 62L1-445.00. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì có T5 (bạn của G, không rõ nhân thân lai lịch) đến nhà G, T5 tháo biển số xe 62P1-628.91 của T5 gắn qua xe Dream đồng thời lấy biển số 59L1-376.05 gắn vào xe mô tô của T5 rồi rời đi. Đến khoảng 12 giờ ngày 16/9/2023, G điều khiển xe Dream có gắn biển số 62P1-628.91 đến tiệm sửa xe của Nguyễn Hồng P tại Khu phố G, thị trấn C, huyện C cầm cho P được số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn đồng), G nói là xe của người thân mất giấy tờ, chiều cùng ngày G gọi điện thoại cho P bán luôn xe trên được thêm 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), rồi nhờ T5 đến gặp P lấy tiền đem về cho G. Sau khi mua xe, biết xe không có giấy tờ nên P dùng máy mài xóa số khung, số máy của xe mô tô trên. Số tiền bán xe có được thì G, T1, T dùng nạp game và tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTX ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS 62L1-445.00, nhãn hiệu HONDA, loại Dream có giá trị là 10.966.667 đồng (mười triệu, chín trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai, các bị cáo không bị bức cung hay bị dùng nhục hình để khai trái với ý chí của mình. Diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo đúng với nội dung Cáo trạng nêu. Các bị cáo thống nhất với kết luận định giá. Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức truy tố các bị cáo và Tòa án đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hồng P trình bày: Nội dung Cáo trạng nêu và lời khai của bị cáo Phạm Hoàng G về giao dịch cầm cố và mua bán xe giữa bị cáo G và anh P là đúng. Khi bị cáo G cầm xe và bán xe cho anh P thì G không có nói cho anh P biết rõ đây là xe do nhóm G

phạm tội mà có. Khi anh P hỏi thì G nói là xe của người quen mất giấy tờ. Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà anh P đưa cho bị cáo G thì anh P không có yêu cầu các bị cáo phải trả lại. Còn xe mô tô mà bị cáo G cầm cho anh P thì hiện nay Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu giữ, anh P thống nhất và không có ý kiến gì khác.

- Chủ tọa công bố lời khai của bị hại là Trần Hoàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Trần Ngọc L1 vắng mặt tại phiên tòa: Các bị cáo thống nhất với những lời khai được công bố, không có ý kiến gì khác.

- Tại Cáo trạng số: 08/CT-VKSCĐ ngày 11/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Hoàng G về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Phạm Hoàng G đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 53 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Công T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo T và T1 theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng G phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt Phạm Hoàng G từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo G theo khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C tạm giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Dream, gắn biển số 62P1-628.91, số khung, số máy đã bị mài mất do Nguyễn Hồng P giao nộp; 01 (một) xe mô tô loại Wave màu trắng không biển số, không số khung, số máy, 01 (một) biển số 62L1-445.00, 01 (một) cái rổ xe màu đen bằng kim loại có chữ Honda màu trắng, chiều dài 35cm, rộng 24cm, chiều cao lần lượt là 20cm và 16cm, 01 (một) cái ba ga phía trước xe bằng kim loại màu trắng có kích thước dài 17cm, rộng 13cm do Phạm Hoàng G giao nộp; 02 (hai) gương chiếu hậu xe gắn máy do Trần Ngọc L1 giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã xử lý trao trả: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Dream cùng biển số 62L1-445.00, 02 gương chiếu hậu, 01 rổ xe và 01 ba ga xe lại cho bị hại Trần Hoàng V.

Đối với chiếc xe mô tô Wave alpha, màu trắng, không biển số, số khung, số máy bị mài mòn không nhìn rõ, bị cáo G khai mua vào tháng 8/2023 không có giấy tờ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C tách ra chuyển đến Công an huyện C để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với biển số xe mô tô số 62P1-628.91 qua xác minh là của chị Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm 1992, ngụ ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An, chị Đ trình báo bị mất trộm xe mô tô biển số 62P1-628.91 tại huyện Đ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C thông báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ phối hợp xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Hoàng V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hồng P không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 3.000.000 đồng.

- Phần tranh luận:

- Ý kiến của các bị cáo: Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 và Phạm Hoàng G thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức. Không có ý kiến tranh luận.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 và Phạm Hoàng G thừa nhận hành vi phạm tội, các bị cáo thấy ăn ăm hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; kết luận giám định; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; biên bản xác định địa điểm; bản ảnh khám nghiệm hiện trường, xác định địa điểm; bản ảnh tang vật và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thu thập trong tố tụng hình sự, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/9/2023, Nguyễn Tấn T rủ Trần Công T1 đi trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, Trần Công T1 đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59L1-376.05 (mượn của Phạm Hoàng G) chở Nguyễn Tấn T đi trên các tuyến đường để tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực thuộc Ấp B, xã T, huyện C thì T lén lút trộm xe mô tô biển số 62L1-445.00, trị giá 10.966.667 đồng của anh Trần Hoàng V đang đậu trên đường, điều khiển về nhà Trần Ngọc L1 cất giấu. Khi gặp Phạm Hoàng G tại nhà L1, T1 nói cho G biết xe mô tô trên là xe trộm và nhờ G đem đi tiêu thụ giùm thì G đồng ý. G đem xe mô tô trên đến gặp Nguyễn Hồng P cầm và bán được số tiền 3.000.000 đồng, số tiền trên G, T, T1 đã sử dụng cho mục đích cá nhân hết. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

[2.2] Tại khoản 1 Điều 173 (Tội trộm cắp tài sản) Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2.3] Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn T và Trần Công T1 đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2.4] Tại khoản 1 Điều 323 (Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có) Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định như sau:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[2.5] Như vậy, hành vi của bị cáo Phạm Hoàng G đủ yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Công T1 và Phạm Hoàng G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Tấn T đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên lần này là tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Công T1 và Phạm Hoàng G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về hình phạt:

[5.1] Xét về hình phạt chính:

[5.1.1] Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tấn T và Trần Công T1 là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân các bị cáo thì cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5.1.2] Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, bị cáo Nguyễn Tấn T là người chủ động rủ rê bị cáo Trần Công T1 và bị cáo T cũng là trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi của bị cáo T mang tính nguy hiểm cao hơn bị cáo T1 (giúp sức cho bị cáo T). Mặt khác, bị cáo T có một tiền án chưa được xóa án tích và về nhân thân thì bị cáo T đã một lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Do đó, hình phạt của bị cáo T phải cao hơn bị cáo T1. Tuy nhiên, do các bị cáo Nguyễn Tấn T và Trần Công T1 có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự được phân tích tại mục [4] nên sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt khi lượng hình.

[5.1.3] Hành vi của bị cáo Phạm Hoàng G là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận biết việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Căn cứ vào tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân bị cáo thì cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được phân tích ở mục [4] nên sẽ được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức đề nghị tuyên bố bị các bị cáo Nguyễn Tấn T và Trần Công T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Phạm Hoàng G phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C đã xử lý xong trong giai đoạn điều tra, cụ thể:

[8.1] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Dream cùng biển số 62L1-445.00, 02 gương chiếu hậu, 01 rổ xe và 01 ba ga xe lại cho anh Trần Hoàng V.

[8.2] Đối với chiếc xe mô tô Wave alpha, màu trắng, không biển số, số khung, số máy bị mài mòn không nhìn rõ, bị cáo G khai mua vào tháng 8/2023 không có giấy tờ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C tách ra chuyển đến Công an huyện C để tiếp tục xác minh xử lý theo quy định pháp luật.

[8.3] Đối với biển số xe mô tô số 62P1-628.91 qua xác minh là của chị Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm 1992, ngụ ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An, chị Đ trình báo bị mất trộm xe mô tô biển số 62P1-628.91 tại huyện Đ nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C thông báo đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ phối hợp xử lý theo quy định.

[9] Đối với Trần Ngọc L1 không biết việc bị cáo T và T1 rủ nhau đi trộm cắp tài sản và cũng không có giúp sức cho 02 bị cáo trên nên không đồng phạm. Đối

với Nguyễn Hồng P khi mua xe Phạm Hoàng G bán thì không biết rõ đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Riêng, đối tượng tên T5 không rõ lai lịch có hành vi đổi biển số xe, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh xử lý sau.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1, Phạm Hoàng G phải chịu án phí án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng G phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác mà có”.

[3] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 53 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (20/9/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (08/3/2024).

[4] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Công T1 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (20/9/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Công T1 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (08/3/2024).

[5] Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Phạm Hoàng G 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (20/9/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Hoàng G 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (08/3/2024).

[6] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1 và Phạm Hoàng G.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm thu

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Tấn T, Trần Công T1, Phạm Hoàng G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

[8] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đước;
- CA huyện Cần Đước;
- THA huyện Cần Đước;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hữu Lộc